

**CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ VÀ KHOÁNG SẢN
HÀ GIANG**

(Thành lập tại nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

**Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2014**

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	2 - 3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	4 - 5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	7
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	8 - 23

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Cơ khí và Khoáng sản Hà Giang (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này bao gồm:

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Ông Ma Ngọc Tiến	Chủ tịch (miễn nhiệm ngày 01 tháng 10 năm 2014)
Ông Phạm Thành Đô	Chủ tịch (bổ nhiệm ngày 01 tháng 10 năm 2014)
Ông Trịnh Ngọc Hiếu	Thành viên
Ông Đào Xuân Tuất	Thành viên
Ông Lê Thanh Tuấn	Thành viên
Ông Tạ Hồng Thăng	Thành viên
Ông Nguyễn Trung Hiếu	Thành viên

BAN GIÁM ĐỐC

Ông Trịnh Ngọc Hiếu	Giám đốc
Ông Đào Xuân Tuất	Phó Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Biên	Phó Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thiết lập hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



Trịnh Ngọc Hiếu
Giám đốc

Ngày 09 tháng 3 năm 2015

Số: 691 /VNIA-HN-BC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **Các Cổ đông**
Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Cơ khí và Khoáng sản Hà Giang

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Cơ khí và Khoáng sản Hà Giang (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 09 tháng 3 năm 2015, từ trang 04 đến trang 23, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính (gọi chung là "báo cáo tài chính").

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Tiếp theo)

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 đã được kiểm toán bởi một công ty kiểm toán độc lập khác, với Báo cáo kiểm toán đề ngày 27 tháng 02 năm 2014 đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần.



Trương Anh Hùng

Phó Tổng Giám đốc

Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 0029-2013-001-1

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM

Ngày 09 tháng 3 năm 2015

Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Nguyễn Anh Tuấn

Kiểm toán viên

Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 1472-2013-001-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

MÃ SỐ B 01-DN

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2014	31/12/2013
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110+130+140+150)	100		161.447.874.490	219.568.382.143
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	123.600.195.317	189.717.281.266
1. Tiền	111		32.704.654.798	5.902.474.760
2. Các khoản tương đương tiền	112		90.895.540.519	183.814.806.506
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		9.617.911.165	15.861.779.396
1. Phải thu khách hàng	131		6.531.649.260	9.816.650.506
2. Trả trước cho người bán	132		1.810.719.507	2.301.669.508
3. Các khoản phải thu khác	135		2.001.783.251	4.469.700.235
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(726.240.853)	(726.240.853)
III. Hàng tồn kho	140	6	25.820.277.874	13.281.657.217
1. Hàng tồn kho	141		25.820.277.874	13.281.657.217
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		2.409.490.134	707.664.264
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		93.373.091	101.400.000
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		1.947.842.177	238.008.778
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		-	-
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		368.274.866	368.255.486
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 220+250+260)	200		127.652.086.755	114.016.909.544
I. Tài sản cố định	220		58.828.273.262	73.097.020.455
1. Tài sản cố định hữu hình	221	7	16.973.938.964	36.619.365.948
- Nguyên giá	222		44.207.654.746	58.901.939.312
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(27.233.715.782)	(22.282.573.364)
2. Tài sản cố định vô hình	227	8	32.485.863.662	28.298.218.865
- Nguyên giá	228		43.079.127.193	36.030.609.058
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(10.593.263.531)	(7.732.390.193)
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	9	9.368.470.636	8.179.435.642
II. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		65.176.000.000	38.926.000.000
1. Đầu tư dài hạn khác	258	10	65.176.000.000	38.926.000.000
2. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		-	-
III. Tài sản dài hạn khác	260		3.647.813.493	1.993.889.089
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		2.163.241.096	1.137.306.748
2. Tài sản dài hạn khác	268		1.484.572.397	856.582.341
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100+200)	270		289.099.961.245	333.585.291.687

Các thuyết minh từ trang 8 đến trang 23 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

MÃ SỐ B 01-DN
Đơn vị: VND

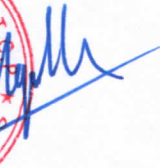

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2014	31/12/2013
A. NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310+330)	300		60.687.536.097	63.595.703.033
I. Nợ ngắn hạn	310		34.566.437.215	21.670.497.949
1. Phải trả người bán	312		5.022.415.167	2.968.180.433
2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	11	1.560.910.536	5.926.593.625
3. Phải trả người lao động	315		3.117.698.800	2.743.393.500
4. Chi phí phải trả	316		115.000.000	461.096.225
5. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	12	23.820.334.684	9.571.234.166
6. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		930.078.028	-
II. Nợ dài hạn	330		26.121.098.882	41.925.205.084
1. Phải trả dài hạn khác	333		15.209.136.000	9.000.000
2. Dự phòng phải trả dài hạn	337	13	10.911.962.882	41.916.205.084
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		228.412.425.148	269.989.588.654
I. Vốn chủ sở hữu	410	14	228.412.425.148	269.989.588.654
1. Vốn điều lệ	411		126.000.000.000	126.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		4.500.000.000	4.500.000.000
3. Cổ phiếu quỹ	414		(18.101.620.304)	-
4. Quỹ đầu tư phát triển	417		99.479.194.729	69.653.219.237
5. Quỹ dự phòng tài chính	418		4.706.929.283	4.706.929.283
6. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		1.103.464.642	1.103.464.642
7. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		10.724.456.798	64.025.975.492
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+400)	440		289.099.961.245	333.585.291.687

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	31/12/2014	31/12/2013
1. Ngoại tệ các loại		
Đô la Mỹ (USD)	1.835.593	1.400.559
Nhân dân tệ (CNY)	672	68


Hoàng Lê Khanh
Người lập biểu


Đỗ Khắc Hùng
Kế toán trưởng



Trịnh Ngọc Hiếu
Giám đốc

Ngày 09 tháng 3 năm 2015


Các thuyết minh từ trang 8 đến trang 23 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính


BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH


Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

MẪU SỐ B 02-DN
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	2014	2013
1. Doanh thu bán hàng	01	15	115.440.449.698	165.762.483.624
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		2.966.304.754	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng (10 = 01-02)	10		112.474.144.944	165.762.483.624
4. Giá vốn hàng bán	11	16	64.852.030.145	63.398.069.880
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng (20 = 10-11)	20		47.622.114.799	102.364.413.744
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	17	7.509.375.516	16.532.767.415
7. Chi phí tài chính	22		-	80.936.942
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		-	73.861.742
8. Chi phí bán hàng	24		1.594.414.287	975.414.790
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		12.327.435.467	10.953.037.343
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+(21-22)-(24+25)}	30		41.209.640.561	106.887.792.084
11. Thu nhập khác	31		155.521.357	394.572.407
12. Chi phí khác	32		9.143.842.429	11.893.296.438
13. (Lỗ) khác (40 = 31-32)	40	18	(8.988.321.072)	(11.498.724.031)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40)	50		32.221.319.489	95.389.068.053
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	19	2.140.907.010	8.833.860.062
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51)	60		30.080.412.479	86.555.207.991
17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	20	2.423	6.869


Hoàng Lê Khanh
Người lập biểu


Đỗ Khắc Hùng
Kế toán trưởng


Trịnh Ngọc Hiếu
Giám đốc



Ngày 09 tháng 3 năm 2015

Các thuyết minh từ trang 8 đến trang 23 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

MẪU SỐ B 03-DN
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	2014	2013
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	32.221.319.489	95.389.068.053
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
- Khấu hao tài sản cố định	02	7.812.015.756	11.879.185.297
- Các khoản dự phòng	03	-	-
- Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	(294.457.622)	-
- (Lãi) từ hoạt động đầu tư	05	(6.458.026.418)	(15.298.083.577)
- Chi phí lãi vay	06	-	73.861.742
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	33.280.851.205	92.044.031.515
- Thay đổi các khoản phải thu	09	2.509.119.982	(14.199.650.914)
- Thay đổi hàng tồn kho	10	(12.538.620.657)	(3.013.069.499)
- Thay đổi các khoản phải trả (không bao gồm thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	5.942.019.206	3.525.772.329
- Thay đổi chi phí trả trước và tài sản ngắn hạn khác	12	(3.355.750.274)	(398.064.078)
- Tiền lãi vay đã trả	13	-	(73.861.742)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(4.138.620.478)	(13.361.456.977)
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(6.174.524.931)	(6.888.806.232)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	15.524.474.053	57.634.894.402
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(1.325.819.265)	(14.019.355.038)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	-	335.795.455
3. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(26.250.000.000)	(29.750.000.000)
4. Thu lãi từ tiền gửi và cho vay	27	6.842.591.945	15.860.760.856
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(20.733.227.320)	(27.572.798.727)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	(18.101.620.304)	-
2. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	-	16.500.000.000
3. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	-	(16.500.000.000)
4. Cổ tức đã trả cho chủ sở hữu	36	(43.101.170.000)	(75.600.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(61.202.790.304)	(75.600.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20+30+40)	50	(66.411.543.571)	(45.537.904.325)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	189.717.281.266	235.255.185.591
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	294.457.622	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70 = 50+60+61)	70	123.600.195.317	189.717.281.266

Hoàng Lê Khanh
Người lập biểu

Ngày 09 tháng 3 năm 2015

Đỗ Khắc Hùng
Kế toán trưởng

Trịnh Ngọc Hiếu
Giám đốc



Các thuyết minh từ trang 8 đến trang 23 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Cơ khí và Khoáng sản Hà Giang (gọi tắt là “Công ty”), tiền thân là Xí nghiệp Cơ khí Hà Giang được hợp nhất với Công ty Khai thác Chế biến Khoáng sản Hà Giang thành Công ty Cơ khí và Khai thác Khoáng sản Hà Giang theo Quyết định số 604/QĐ-UB ngày 09 tháng 8 năm 1995 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Giang. Theo Quyết định số 2050/QĐ-UBND ngày 30 tháng 9 năm 2005 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Giang, Công ty Cơ khí và Khai thác Khoáng sản Hà Giang được chuyển đổi thành Công ty Cổ phần Cơ khí và Khoáng sản Hà Giang. Công ty cổ phần chính thức đi vào hoạt động từ ngày 01 tháng 3 năm 2006 theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1003000027 ngày 28 tháng 02 năm 2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hà Giang cấp và Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh lần thứ 6 ngày 12 tháng 9 năm 2013 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hà Giang cấp.

Vốn điều lệ của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 là 126.000.000.000 đồng. Trong đó Nhà nước góp là 58.762.800.000 đồng, chiếm 46,64% vốn điều lệ.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 là 200 (tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 là 213).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

- Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt;
- Gia công cơ khí, xử lý và tráng phủ kim loại;
- Khai thác quặng sắt;
- Lắp đặt hệ thống điện;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- Khai thác quặng, kim loại quý hiếm.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI ĐÃ BAN HÀNH NHƯNG CHƯA ÁP DỤNG

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC (“Thông tư 200”) hướng dẫn áp dụng chế độ kế toán cho doanh nghiệp. Thông tư này sẽ có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015. Thông tư 200 thay thế cho các quy định về chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Ban Giám đốc Công ty đang đánh giá mức độ ảnh hưởng của việc áp dụng Thông tư này đến các báo cáo tài chính trong tương lai của Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, phải thu khách hàng, phải thu khác và đầu tư dài hạn.

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, vàng, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MÃU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Hàng tồn kho (Tiếp theo)

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	2014
	Số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	06 - 25
Máy móc, thiết bị	05 - 07
Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn	06 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình bao gồm giá trị quyền sử dụng đất tại đường Trần Phú và đường Nguyễn Trãi, thành phố Hà Giang, chi phí đầu tư nghiên cứu thăm dò điểm quặng antimon (bản quyền khai thác mỏ antimon), bản quyền bằng sáng chế - đề tài Chi-Kẽm, quyền khai thác khoáng sản.

Công ty đang áp dụng phương pháp khấu hao đường thẳng đối với các tài sản cố định vô hình, thời gian sử dụng ước tính của các tài sản này là 05 năm. Riêng tài sản cố định là quyền sử dụng đất sẽ được khấu hao theo thời hạn sử dụng, quyền sử dụng đất không thời hạn sẽ không được khấu hao.

Theo Quyết định số 2623/QĐ-UBND ngày 30 tháng 7 năm 2009 của UBND tỉnh Hà Giang, Công ty sẽ được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng 130.940,7 m² đất tại xã Mậu Duệ, huyện Yên Minh để khai thác quặng antimon với thời hạn sử dụng đất là 30 năm kể từ ngày 27 tháng 12 năm 1996. Giá trị để có quyền sử dụng đất được đánh giá là không đáng kể.

Theo Giấy phép khai thác khoáng sản số 3940/QĐ/ĐCKS (“Giấy phép”) ngày 27 tháng 12 năm 1996 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công thương), Công ty được cấp quyền khai thác khoáng sản tại Xã Mậu Duệ, huyện Yên Minh, tỉnh Hà Giang trong vòng 30 năm kể từ ngày ký Giấy phép. Quyền khai thác khoáng sản được trình bày theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá của Quyền khai thác khoáng sản được ghi nhận theo Quyết định số 3068/QĐ-BTNMT ngày 26 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng bộ Tài nguyên Môi trường về việc “Phê duyệt tiền cấp quyền khai thác khoáng sản Quặng Antimon tại mỏ Mậu Duệ, xã Mậu Duệ, huyện Yên Minh, tỉnh Hà Giang”. Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng trong vòng 11,5 năm.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Vốn quỹ

Vốn đầu tư của chủ sở hữu của Công ty được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu. Quỹ đầu tư phát triển, quỹ dự phòng tài chính, quỹ khen thưởng, phúc lợi được trích từ lợi nhuận sau thuế hàng năm theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông của Công ty.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng. Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Ngoại tệ

Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) "Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái" và Thông tư số 179/2012/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2012 của Bộ Tài chính quy định về ghi nhận, đánh giá, xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái trong doanh nghiệp. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho các cổ đông.

Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Chi phí khôi phục môi trường

Theo Giấy phép khai thác khoáng sản số 3940/QĐ/ĐCKS ("Giấy phép") ngày 27 tháng 12 năm 1996, Công ty có nghĩa vụ thực hiện việc đóng cửa mỏ, phục hồi nguyên trạng mặt bằng đất và môi trường của mỏ tại Xã Mậu Duệ, huyện Yên Minh, tỉnh Hà Giang vào thời điểm kết thúc thời hạn khai thác. Công ty đã thực hiện lập dự phòng cho chi phí khôi phục môi trường nêu trên.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các kỳ khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Thuế (Tiếp theo)**

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Theo Nghị định số 712/2013/UBTVQH13 ngày 16 tháng 12 năm 2013 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, thuế suất thuế tài nguyên khai thác quặng antimon áp dụng từ ngày 01 tháng 02 năm 2014 là 18%.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2014	31/12/2013
	VND	VND
Tiền mặt tại quỹ	1.000.660.109	619.422.945
Tiền gửi ngân hàng	31.703.994.689	5.283.051.815
Các khoản tương đương tiền	90.895.540.519	183.814.806.506
	123.600.195.317	189.717.281.266

6. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2014	31/12/2013
	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	3.197.604.226	3.804.840.068
Công cụ, dụng cụ	572.061.717	772.673.265
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	-	2.982.099.583
Thành phẩm	22.050.611.931	5.722.044.301
	25.820.277.874	13.281.657.217
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	-
kho	25.820.277.874	13.281.657.217

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ VÀ KHOÁNG SẢN HÀ GIANG

Số 390 đường Nguyễn Trãi, thành phố Hà Giang

Tỉnh Hà Giang, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***7. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Cộng VND
NGUYÊN GIÁ					
Số dư tại ngày 01/01/2014	32.835.733.503	19.946.440.443	5.665.326.866	454.438.500	58.901.939.312
Tăng trong năm	-	66.064.571	-	70.719.700	136.784.271
Mua trong năm	-	66.064.571	-	70.719.700	136.784.271
Giảm trong năm	14.831.068.837	-	-	-	14.831.068.837
Giảm khác	14.831.068.837	-	-	-	14.831.068.837
Số dư tại ngày 31/12/2014	18.004.664.666	20.012.505.014	5.665.326.866	525.158.200	44.207.654.746
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Số dư tại ngày 01/01/2014	9.502.098.875	9.739.276.919	2.721.728.735	319.468.835	22.282.573.364
Tăng trong năm	2.354.885.943	2.717.764.038	830.800.420	107.054.077	6.010.504.478
Khấu hao trong năm	2.354.885.943	2.717.764.038	830.800.420	107.054.077	6.010.504.478
Giảm trong năm	1.059.362.060	-	-	-	1.059.362.060
Giảm khác	1.059.362.060	-	-	-	1.059.362.060
Số dư tại ngày 31/12/2014	10.797.622.758	12.457.040.957	3.552.529.155	426.522.912	27.233.715.782
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 31/12/2014	7.207.041.908	7.555.464.057	2.112.797.711	98.635.288	16.973.938.964
Tại ngày 31/12/2013	23.333.634.628	10.207.163.524	2.943.598.131	134.969.665	36.619.365.948

Nguyên giá của tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị là 10.567.717.776 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 là 8.458.995.547 đồng).

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ VÀ KHOÁNG SẢN HÀ GIANG

Số 390 đường Nguyễn Trãi, thành phố Hà Giang

Tỉnh Hà Giang, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

8. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất VND	Quyền khai thác khoáng sản VND	Bản quyền, bằng sáng chế VND	Tài sản cố định vô hình khác VND	Cộng VND
NGUYÊN GIÁ					
Số dư tại ngày 01/01/2014	2.827.595.455	30.505.577.702	380.554.359	2.316.881.542	36.030.609.058
Tăng trong năm	-	-	-	14.831.068.837	14.831.068.837
Tăng khác	-	-	-	14.831.068.837	14.831.068.837
Giảm trong năm	-	7.782.550.702	-	-	7.782.550.702
Giảm khác	-	7.782.550.702	-	-	7.782.550.702
Số dư tại ngày 31/12/2014	2.827.595.455	22.723.027.000	380.554.359	17.147.950.379	43.079.127.193
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Số dư tại ngày 01/01/2014	278.708.306	4.756.245.986	380.554.359	2.316.881.542	7.732.390.193
Tăng trong năm	146.958.204	2.171.448.000	-	2.118.724.120	4.437.130.324
Khấu hao trong năm	146.958.204	2.171.448.000	-	1.059.362.060	3.377.768.264
Tăng khác	-	-	-	1.059.362.060	1.059.362.060
Giảm trong năm	-	1.576.256.986	-	-	1.576.256.986
Giảm khác	-	1.576.256.986	-	-	1.576.256.986
Số dư tại ngày 31/12/2014	425.666.510	5.351.437.000	380.554.359	4.435.605.662	10.593.263.531
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 31/12/2014	2.401.928.945	17.371.590.000	-	12.712.344.717	32.485.863.662
Tại ngày 31/12/2013	2.548.887.149	25.749.331.716	-	-	28.298.218.865

9. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Dự án Thăm dò mỏ antimony, mỏ Bó Mới giai đoạn 1	6.676.836.360	6.616.528.639
Dự án Nhà máy tuyển quặng antimony Mậu Duệ	1.551.075.185	845.075.185
Dự án Xây dựng trụ sở văn phòng HGM	174.360.909	174.360.909
Dự án Thăm dò nâng cấp trữ lượng mỏ antimony mỏ Mậu Duệ	966.198.182	543.470.909
	9.368.470.636	8.179.435.642

10. ĐẦU TƯ DÀI HẠN KHÁC

	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Góp vốn vào quỹ bảo lãnh tín dụng tỉnh Hà Giang	500.000.000	500.000.000
Công ty Cổ phần Gang thép Cao Bằng (i)	64.676.000.000	38.426.000.000
	65.176.000.000	38.926.000.000

(i) Trong năm, Công ty đầu tư mua thêm 1.500.000 cổ phần của Công ty Cổ phần Gang thép Cao Bằng với số tiền là 26.250.000.000 đồng (mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần), theo đó tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Công ty sở hữu 9,58% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Gang thép Cao Bằng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MÃU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

11. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	31/12/2014	31/12/2013
	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	-	1.291.336.526
Thuế thu nhập doanh nghiệp	384.561.980	2.382.275.449
Thuế thu nhập cá nhân	20.585.356	1.498.699.900
Thuế tài nguyên	1.116.979.200	709.580.000
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	-	353.000
Các loại thuế khác	38.784.000	44.348.750
	1.560.910.536	5.926.593.625

12. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2014	31/12/2013
	VND	VND
Bảo hiểm xã hội	20.286.500	6.196.700
Kinh phí công đoàn	65.048.420	68.152.232
Các khoản phải trả, phải nộp khác	23.734.999.764	9.496.885.234
	23.820.334.684	9.571.234.166

13. DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ DÀI HẠN

	Tiền cấp quyền khai thác khoáng sản	Chi phí khôi phục môi trường	Tổng cộng
	VND	VND	VND
Số dư tại ngày 01/01/2014	30.505.577.702	11.410.627.382	41.916.205.084
Chi từ dự phòng	-	498.664.500	498.664.500
Giảm khác (i)	30.505.577.702	-	30.505.577.702
Số dư tại ngày 31/12/2014	-	10.911.962.882	10.911.962.882

- (i) Trong năm 2014, Công ty đã nhận được Quyết định số 3068/QĐ-BTNMT ngày 26 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng bộ Tài nguyên Môi trường về việc “Phê duyệt tiền cấp quyền khai thác khoáng sản Quặng Antimon tại mỏ Mậu Duệ, xã Mậu Duệ, huyện Yên Minh, tỉnh Hà Giang”. Theo đó, số tiền cấp quyền khai thác khoáng sản phải nộp theo Quyết định trên được ghi nhận vào khoản phải trả khác đồng thời ghi giảm số dự phòng phải trả Công ty đã ước tính trước đó.

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ VÀ KHOÁNG SẢN HÀ GIANG

Số 390 đường Nguyễn Trãi, thành phố Hà Giang

Tỉnh Hà Giang, CHXHCN Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*Báo cáo tài chính
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014**MẪU SỐ B 09-DN****14. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

Đơn vị: VND

	Vốn điều lệ	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Số dư tại ngày 01/01/2013	63.000.000.000	4.500.000.000	-	125.295.083.055	4.706.929.283	1.103.464.642	57.366.205.472	255.971.682.452
Tăng trong năm	63.000.000.000	-	-	-	-	-	102.259.770.020	165.259.770.020
Tăng trong năm	63.000.000.000	-	-	-	-	-	-	63.000.000.000
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	-	86.555.207.991	86.555.207.991
Tăng khác	-	-	-	-	-	-	12.641.863.818	12.641.863.818
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	-	-	3.062.698.211	3.062.698.211
Giảm trong năm	-	-	-	55.641.863.818	-	-	95.600.000.000	151.241.863.818
Trích lập các quỹ	-	-	-	12.641.863.818	-	-	-	12.641.863.818
Lợi nhuận tái đầu tư	-	-	-	43.000.000.000	-	-	20.000.000.000	63.000.000.000
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	-	75.600.000.000	75.600.000.000
Số dư tại ngày 31/12/2013	126.000.000.000	4.500.000.000	-	69.653.219.237	4.706.929.283	1.103.464.642	64.025.975.492	269.989.588.654
Tăng trong năm	-	-	-	29.825.975.492	-	-	30.080.412.479	41.804.767.667
Trích lập các quỹ (i)	-	-	(18.101.620.304)	29.825.975.492	-	-	-	29.825.975.492
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	-	30.080.412.479	30.080.412.479
Mua cổ phiếu quỹ (ii)	-	-	(18.101.620.304)	-	-	-	-	(18.101.620.304)
Giảm trong năm	-	-	-	-	-	-	83.381.931.173	83.381.931.173
Trích các quỹ (i)	-	-	-	-	-	-	29.825.975.492	29.825.975.492
Chi trả cổ tức (i)	-	-	-	-	-	-	43.101.170.000	43.101.170.000
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi (i)	-	-	-	-	-	-	10.454.785.681	10.454.785.681
Số dư tại ngày 31/12/2014	126.000.000.000	4.500.000.000	(18.101.620.304)	99.479.194.729	4.706.929.283	1.103.464.642	10.724.456.798	228.412.425.148

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

14. VỐN CHỦ SỞ HỮU (Tiếp theo)

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

(i) Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2014 số 04/NQ-ĐHCĐTN ngày 30 tháng 3 năm 2014 thông qua phương án phân phối lợi nhuận và cổ tức năm 2013 như sau:

- Trả cổ tức bằng tiền năm 2013 là 70% vốn điều lệ, tương đương 88.200.000.000 đồng, trong đó đã hạch toán vào báo cáo tài chính năm 2013 là 63.000.000.000 đồng, hạch toán vào báo cáo tài chính năm 2014 là 24.629.240.000 đồng, tạm ứng cổ tức đợt 1 năm 2014 cho cổ đông theo nghị quyết phiên họp thường kỳ số 07/2014/NQ-HĐQT ngày 27 tháng 7 năm 2014 số tiền 18.471.930.000 đồng (chênh lệch 570.760.000 đồng là do Công ty thực hiện mua cổ phiếu quỹ trong kỳ, theo đó không phải trả cổ tức cho số cổ phiếu quỹ này);

- Trích quỹ đầu tư phát triển là 29.825.975.492 đồng;

- Trích quỹ khen thưởng phúc lợi là 8.000.000.000 đồng; trích quỹ ban điều hành năm 2013 là 1.000.000.000 đồng; bên cạnh đó, Công ty thực hiện tạm trích quỹ khen thưởng phúc lợi từ lợi nhuận năm 2014 với số tiền là 1.454.785.681 đồng. Số tạm trích này sẽ được Đại hội đồng Cổ đông của Công ty phê chuẩn trong năm 2015.

(ii) Trong năm, Công ty thực hiện mua 285.380 cổ phiếu quỹ tương ứng với số tiền là 18.101.620.304 đồng.

Vốn điều lệ

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh sửa đổi lần thứ 6 ngày 12 tháng 9 năm 2013 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hà Giang cấp, vốn điều lệ của Công ty là 126 tỷ đồng. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, vốn điều lệ của Công ty đã được góp đủ, chi tiết như sau:

	Tại ngày 31/12/2014		
	Số cổ phần	Tỷ lệ %	Giá trị (VND)
Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước (SCIC)	5.876.280	46,64	58.762.800.000
Công ty Cổ phần Đầu tư tài chính Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam	1.021.300	8,11	10.213.000.000
Cổ đông đặc biệt (HĐQT, BKS, BGD, KTT)	1.039.200	8,25	10.392.000.000
Công ty Cổ phần Cơ khí và khoáng sản Hà Giang (Cổ phiếu quỹ)	285.380	2,26	2.853.800.000
Các cổ đông khác	4.377.840	34,74	43.778.400.000
	12.600.000	100	126.000.000.000

	31/12/2014	31/12/2013
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng		
+ Cổ phiếu phổ thông	12.600.000	12.600.000
- Số lượng cổ phiếu quỹ		
+ Cổ phiếu phổ thông	285.380	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành		
+ Cổ phiếu phổ thông	12.314.620	12.600.000

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ VÀ KHOÁNG SẢN HÀ GIANG

Số 390 đường Nguyễn Trãi, thành phố Hà Giang

Tỉnh Hà Giang, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***15. DOANH THU BÁN HÀNG**

	2014	2013
	VND	VND
Doanh thu bán hàng	115.440.449.698	165.762.483.624
<i>Doanh thu kim loại antimon</i>	<i>115.440.449.698</i>	<i>165.762.483.624</i>
	115.440.449.698	165.762.483.624

16. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	2014	2013
	VND	VND
Giá vốn hàng bán	64.852.030.145	63.398.069.880
<i>Giá vốn kim loại antimon</i>	<i>64.852.030.145</i>	<i>63.398.069.880</i>
	64.852.030.145	63.398.069.880

17. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	2014	2013
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	6.458.026.418	14.966.844.318
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	294.475.622	-
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	295.067.924	1.311.013.530
Doanh thu hoạt động tài chính khác	461.805.552	254.909.567
	7.509.375.516	16.532.767.415

18. (LỖ) KHÁC

	2014	2013
	VND	VND
Thu nhập khác	155.521.357	394.572.407
	155.521.357	394.572.407
Chi phí đóng góp cho Tỉnh Hà Giang	7.560.000.000	8.190.000.000
Chi phí khác	1.583.842.429	3.703.296.438
	9.143.842.429	11.893.296.438
	(8.988.321.072)	(11.498.724.031)

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ VÀ KHOÁNG SẢN HÀ GIANG

Số 390 đường Nguyễn Trãi, thành phố Hà Giang

Tỉnh Hà Giang, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***19. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP**

	2014	2013
	VND	VND
Lợi nhuận trước thuế	32.221.319.489	95.389.068.053
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	10.596.820.712	1.065.654.071
Thu nhập chịu thuế	42.818.140.201	96.454.722.124
<i>Trong đó:</i>		
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh chính	44.591.561.379	95.657.220.700
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh khác	(1.773.421.178)	797.501.424
Thuế suất (i)	10% và 22%	10% và 25%
Thuế thu nhập doanh nghiệp	4.281.814.020	13.616.721.097
<i>Ưu đãi giảm thuế:</i>		
Ưu đãi giảm 50% thuế cho hoạt động chính	2.140.907.010	4.782.861.035
	2.140.907.010	8.833.860.062

(i) Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh khác không được hưởng ưu đãi miễn, giảm thuế theo quy định của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2008.

Kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2014, thuế suất phổ thông áp dụng là 22% theo Nghị định số 218/2013/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2013 của Chính phủ.

20. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	2014	2013
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	30.080.412.479	86.555.207.991
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	12.413.422	12.600.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	2.423	6.869

21. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	2014	2013
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	19.832.650.979	26.577.602.278
Chi phí nhân công	25.442.021.081	21.952.658.451
Chi phí khấu hao	7.812.015.756	11.879.185.297
Chi phí dịch vụ mua ngoài	23.191.260.861	11.297.293.086
Chi phí khác bằng tiền	15.842.399.269	10.785.123.512
	92.120.347.946	82.491.862.624

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***22. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ BỘ PHẬN THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ**

Trong năm, Công ty chỉ thực hiện khai thác, chế biến và bán quặng antimony và chi hoạt động trong phạm vi lãnh thổ Việt Nam. Do vậy, Công ty không có bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh nào khác ngoài lĩnh vực nêu trên và khu vực địa lý nào khác ngoài lãnh thổ Việt Nam.

23. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

	2014	2013
	VND	VND
Chi phí thuê hoạt động tối thiểu đã ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm	576.990.545	603.148.800

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty có các khoản cam kết thuê hoạt động không hủy ngang với lịch thanh toán như sau:

	31/12/2014	31/12/2013
	VND	VND
Trong vòng một năm	230.181.818	614.251.200
Từ năm thứ hai đến năm thứ năm	-	254.114.880
	230.181.818	868.366.080

Các khoản thanh toán thuê hoạt động thể hiện tổng số tiền thuê 80 m² tại tòa nhà Prime Centre, 53 Quang Trung, Hai Bà Trưng, Hà Nội. Hợp đồng thuê văn phòng được ký với thời hạn 01 năm kể từ ngày 01 tháng 6 năm 2014.

24. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm phần vốn của các cổ đông gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày chi tiết tại Thuyết minh số 4.

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ VÀ KHOÁNG SẢN HÀ GIANG

Số 390 đường Nguyễn Trãi, thành phố Hà Giang

Tỉnh Hà Giang, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***24. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****Các loại công cụ tài chính**

	Giá trị sổ sách	
	31/12/2014	31/12/2013
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	123.600.195.317	189.717.281.266
Phải thu khách hàng và phải thu khác	7.807.191.658	11.238.311.163
Đầu tư dài hạn	65.176.000.000	38.926.000.000
Tổng cộng	196.583.386.975	239.881.592.429
Công nợ tài chính		
Phải trả người bán và phải trả khác	43.966.550.931	12.474.065.667
Chi phí phải trả	115.000.000	461.096.225
Tổng cộng	44.081.550.931	12.935.161.892

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính đã ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 (“Thông tư 210”) cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá.

Giá trị ghi sổ của các tài sản bằng tiền có gốc ngoại tệ tại thời điểm cuối kỳ như sau:

	Tài sản			
	31/12/2014		31/12/2013	
	Nguyên tệ	VND	Nguyên tệ	VND
Đô la Mỹ (USD)	1.835.593	38.999.001.442	1.400.559	29.462.168.380
Nhân dân tệ (CNY)	672	2.291.252	235.490	73.723.259

Quản lý rủi ro về giá

Công ty chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào công cụ vốn. Trong kỳ, Công ty đầu tư mua thêm 1.500.000 cổ phần của Công ty Cổ phần Gang thép Cao Bằng với số tiền là 26.250.000.000 đồng (mệnh giá 10.000 đồng/1 cổ phần). Các khoản đầu tư vào công cụ vốn được nắm giữ không phải cho mục đích kinh doanh mà cho mục đích chiến lược lâu dài. Công ty không có ý định bán các khoản đầu tư này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MÃ SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

24. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu chủ yếu của một khách hàng mà từ trước đến nay chưa phải trích lập dự phòng phải thu cho khách hàng này.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thành khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt và đủ vốn mà các chủ sở hữu đã góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	Dưới 1 năm VND	Từ 1-5 năm VND	Tổng cộng VND
31/12/2014			
Tiền và các khoản tương đương tiền	123.600.195.317	-	123.600.195.317
Phải thu khách hàng và phải thu khác	7.807.191.658	-	7.807.191.658
Đầu tư dài hạn	-	65.176.000.000	65.176.000.000
	131.407.386.975	65.176.000.000	196.583.386.975
31/12/2014			
Phải trả người bán và phải trả khác	28.757.414.931	15.209.136.000	43.966.550.931
Chi phí phải trả	115.000.000	-	115.000.000
	28.872.414.931	15.209.136.000	44.081.550.931
Chênh lệch thanh khoản thuần	102.534.972.044	49.966.864.000	152.501.836.044
	Dưới 1 năm VND	Từ 1-5 năm VND	Tổng cộng VND
31/12/2013			
Tiền và các khoản tương đương tiền	189.717.281.266	-	189.717.281.266
Phải thu khách hàng và phải thu khác	11.238.311.163	-	11.238.311.163
Đầu tư dài hạn	-	38.926.000.000	38.926.000.000
	200.955.592.429	38.926.000.000	239.881.592.429
31/12/2013			
Phải trả người bán và phải trả khác	12.465.065.667	9.000.000	12.474.065.667
Chi phí phải trả	461.096.225	-	461.096.225
	12.926.161.892	9.000.000	12.935.161.892
Chênh lệch thanh khoản thuần	188.029.430.537	38.917.000.000	226.946.430.537

Ban Giám đốc đánh giá rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ VÀ KHOÁNG SẢN HÀ GIANG

Số 390 đường Nguyễn Trãi, thành phố Hà Giang

Tỉnh Hà Giang, CHXHCN Việt Nam

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Báo cáo tài chính**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***25. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Danh sách các bên liên quan:

Bên liên quan**Mối quan hệ**

Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc

Quản lý, điều hành Công ty

Thu nhập Ban Giám đốc và Hội đồng Quản trị được hưởng trong năm như sau:

	2014	2013
	VND	VND
Thành viên Ban giám đốc		
Lương	1.535.768.900	1.261.335.900
Tiền thưởng	459.103.100	284.795.500
Thành viên Hội đồng quản trị		
Lương	180.029.400	151.851.900
Tiền thưởng	1.870.000.000	1.936.524.500
Các khoản phúc lợi khác	456.000.000	606.000.000
	4.500.901.400	4.240.507.800

26. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu của báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 đã được kiểm toán bởi một công ty kiểm toán độc lập khác.

Hoàng Lê Khanh
Người lập biểuĐỗ Khắc Hùng
Kế toán trưởngTrịnh Ngọc Hiếu
Giám đốc

Ngày 09 tháng 3 năm 2015